

Số: /2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao đối với hội thể thao quốc gia**

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao đối với hội thể thao quốc gia.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục, thể thao đối với hội thể thao quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cục Thể dục thể thao Việt Nam.
- Ủy ban Olympic Việt Nam; Ủy ban Paralympic Việt Nam; các Liên đoàn, Hội, Hiệp hội thể thao quốc gia về một môn thể thao hoặc một số môn thể thao (sau đây gọi tắt là hội thể thao quốc gia).
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước đối với hội thể thao quốc gia.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Tuân thủ pháp luật về thể dục thể thao, pháp luật về hội và theo phân cấp quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, vai trò quản lý nhà nước của Cục Thể dục thể thao Việt Nam và chức năng nghề nghiệp, chuyên môn của hội thể thao quốc gia.

3. Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; tôn trọng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, vai trò và tính độc lập của hội thể thao quốc gia.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển thể dục thể thao

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển thể dục thể thao:

a) Khi xây dựng chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển thể dục thể thao, Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổ chức lấy ý kiến các hội thể thao quốc gia. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, hồ sơ xin ý kiến, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm trả lời, trừ trường hợp có yêu cầu khác;

b) Cục Thể dục thể thao Việt Nam thông báo bằng văn bản về chiến lược, quy hoạch phát triển thể dục thể thao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phương hướng, kế hoạch công tác hàng năm đến hội thể thao quốc gia trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ban hành để hội thể thao quốc gia phối hợp tổ chức thực hiện;

c) Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển thể dục thể thao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phương hướng, kế hoạch công tác hàng năm của Cục Thể dục thể thao Việt Nam và kế hoạch của các tổ chức thể thao quốc tế tương ứng mà hội thể thao quốc gia là thành viên, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động của cả nhiệm kỳ và chương trình công tác hàng năm, gửi về Cục Thể dục thể thao Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề để tổng hợp, theo dõi và phối hợp thực hiện.

2. Xây dựng các văn bản pháp lý về quản lý hoạt động chuyên môn:

a) Hội thể thao quốc gia thông báo tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam khi ban hành hoặc áp dụng luật thi đấu của môn thể thao do tổ chức thể thao quốc tế ban hành;

b) Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm xây dựng tiêu chí tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên vào đội tuyển quốc gia gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam thẩm định. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Thể dục thể thao Việt Nam thẩm định, trường hợp không đồng ý phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Căn cứ yêu cầu phát triển chuyên môn và quy định quốc tế có liên quan, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm xây dựng và ban hành: chương trình đào tạo, tập huấn trọng tài, huấn luyện viên theo từng cấp độ hoặc áp dụng theo quy định của liên đoàn thể thao quốc tế tương ứng; quy định về khen thưởng và kỷ luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tập luyện, thi đấu môn thể thao do hội thể thao quốc gia quản lý;

d) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày ban hành các văn bản pháp lý chuyên môn quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều này, hội thể thao quốc

gia có trách nhiệm gửi đến Cục Thể dục thể thao Việt Nam để theo dõi và phối hợp tổ chức thực hiện.

Điều 5. Quản lý tổ chức giải thể thao

1. Đăng cai, tổ chức đại hội thể thao, đại hội thể thao cho người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam:

a) Ủy ban Olympic Việt Nam và Ủy ban Paralympic Việt Nam có trách nhiệm thông báo kế hoạch tổ chức tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam để báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét việc đăng cai;

b) Sau khi được phê duyệt chủ trương cho phép đăng cai, Cục Thể dục thể thao Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Olympic Việt Nam và Ủy ban Paralympic Việt Nam xây dựng đề án đăng cai, báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Ủy ban Olympic Việt Nam và Ủy ban Paralympic Việt Nam phối hợp với Cục Thể dục thể thao Việt Nam xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức theo đề án đã được phê duyệt.

2. Đăng cai, tổ chức giải thi đấu từng môn thể thao cho người khuyết tật cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam:

a) Ủy ban Paralympic Việt Nam gửi hồ sơ đăng cai chậm nhất ngày 01 tháng 7 của năm trước năm đề nghị đăng cai để Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, quyết định;

b) Sau khi được phê duyệt, Ủy ban Paralympic Việt Nam phối hợp với Cục Thể dục thể thao Việt Nam tổ chức thực hiện.

3. Đăng cai, tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục, thế giới tổ chức tại Việt Nam:

a) Hội thể thao quốc gia gửi hồ sơ đăng cai chậm nhất ngày 01 tháng 7 của năm trước năm đề nghị đăng cai để Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, quyết định và phối hợp tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

b) Trường hợp bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ phải báo cáo Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, quyết định.

4. Tổ chức giải thể thao quốc gia

a) Xây dựng và ban hành lịch thi đấu giải quốc gia hàng năm: Chậm nhất tháng 7 hàng năm, hội thể thao quốc gia đề xuất các giải thể thao vào lịch thi đấu quốc gia của Cục Thể dục thể thao Việt Nam bảo đảm phù hợp với hệ thống thi đấu khu vực, thế giới; trường hợp điều chỉnh phải có văn bản báo cáo Cục Thể dục thể thao Việt Nam chậm nhất 01 tháng trước khi giải diễn ra.

Trường hợp Cục Thể dục thể thao Việt Nam không thống nhất với đề xuất của hội thể thao quốc gia thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm thông báo lịch thi đấu trong hệ thống thi đấu quốc gia của năm kế tiếp để hội thể thao quốc gia phối hợp triển khai thực hiện;

b) Ban hành điều lệ giải: Điều lệ giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm do hội thể thao quốc gia ban hành phải bảo đảm

tuân thủ luật thi đấu, phù hợp với kế hoạch phát triển môn thể thao và gửi đến cơ quan, đơn vị liên quan chậm nhất 02 (hai) tháng trước ngày dự kiến tổ chức giải;

c) Các giải thi đấu thể thao quốc gia có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước: Cục Thể dục thể thao Việt Nam quyết định thành lập ban tổ chức, ban trọng tài giải thi đấu thể thao trên cơ sở đề xuất của hội thể thao quốc gia. Trường hợp không thống nhất với đề xuất, Cục Thể dục thể thao Việt Nam phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Các giải thi đấu thể thao quốc gia không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước: hội thể thao quốc gia báo cáo kế hoạch tổ chức tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam chậm nhất 30 (ba mươi) ngày làm việc trước thời điểm giải thi đấu dự kiến diễn ra; quyết định thành lập hoặc đề xuất Cục Thể dục thể thao Việt Nam thành lập ban tổ chức, ban trọng tài giải thi đấu thể thao và chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức giải.

5. Cục Thể dục thể thao Việt Nam kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện luật thi đấu của môn thể thao, điều lệ giải thể thao do hội thể thao quốc gia ban hành. Trường hợp phát hiện có vi phạm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có ý kiến bằng văn bản để hội thể thao quốc gia thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và đảm bảo đúng quy định.

Điều 6. Thành lập, quản lý đoàn thể thao, đội thể thao quốc gia tham gia các đại hội thể thao, giải thể thao quốc tế

1. Thành lập đoàn thể thao quốc gia:

a) Căn cứ điều lệ, chương trình đại hội, Cục Thể dục thể thao Việt Nam chủ trì, phối hợp với các hội thể thao quốc gia, cơ quan, đơn vị liên quan tuyển chọn thành viên đoàn thể thao quốc gia tham dự đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định;

b) Ủy ban Olympic Việt Nam, Ủy ban Paralympic Việt Nam phối hợp với hội thể thao quốc gia đăng ký cho các thành viên của đoàn thể thao quốc gia tham dự các đại hội thể thao, đại hội thể thao cho người khuyết tật khu vực, châu lục và thế giới; phối hợp với Cục Thể dục thể thao Việt Nam quản lý đoàn thể thao quốc gia khi tham gia thi đấu quốc tế.

2. Thành lập đội thể thao quốc gia:

a) Trên cơ sở đề xuất của hội thể thao quốc gia về thành phần Ban huấn luyện đội thể thao quốc gia và danh sách vận động viên do Ban huấn luyện tuyển chọn tham gia đội thể thao quốc gia, Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, quyết định thành lập đội thể thao quốc gia để tập huấn, tham gia thi đấu quốc tế.

Quyết định thành lập đội thể thao quốc gia phải được ban hành chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước thời gian bắt đầu tập huấn đối với đội tuyển tập huấn trong nước; chậm nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc trước thời gian dự kiến khởi hành đối với đội tuyển tập huấn ở nước ngoài (trường hợp đội đi các nước cần làm thị thực) và 15 (mười lăm) ngày trước ngày dự kiến khởi hành (trường hợp đội đi các nước không cần làm thị thực), đồng thời được gửi đến hội thể thao quốc gia để phối hợp thực hiện;

b) Trên cơ sở đề xuất của Ban huấn luyện đội thể thao quốc gia cho thôi tập huấn hoặc bổ sung thành viên đội thể thao quốc gia, Cục Thể dục thể thao Việt Nam lấy ý kiến hội thể thao quốc gia để xem xét, quyết định; trường hợp không thống nhất phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Cục Thể dục thể thao Việt Nam và hội thể thao quốc gia có trách nhiệm phối hợp, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đào tạo, tập huấn đội tuyển thể thao quốc gia đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt;

d) Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm đăng ký thi đấu cho đội thể thao quốc gia tham gia thi đấu quốc tế theo quyết định của Cục Thể dục thể thao Việt Nam.

Điều 7. Quản lý vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao

1. Lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao:

a) Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm lập, quản lý hồ sơ vận động viên, huấn luyện viên các đội thể thao quốc gia;

b) Hội thể thao quốc gia lập, quản lý hồ sơ và xác nhận tư cách vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài của môn thể thao theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của hội và của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng.

2. Đào tạo, tập huấn vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao:

Cục Thể dục thể thao Việt Nam hướng dẫn, phối hợp hội thể thao quốc gia xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao phù hợp với định hướng phát triển chuyên môn và yêu cầu của các tổ chức quốc tế tương ứng.

3. Phong đẳng cấp vận động viên, trọng tài thể thao:

a) Cục Thể dục thể thao Việt Nam xây dựng tiêu chuẩn phong đẳng cấp cho vận động viên, trọng tài của từng môn thể thao trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt;

b) Định kỳ 6 tháng hoặc một năm, hội thể thao quốc gia thực hiện phong đẳng cấp cho vận động viên, trọng tài của môn thể thao theo tiêu chuẩn phong đẳng cấp do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành; công nhận phong đẳng cấp của tổ chức thể thao quốc tế đối với vận động viên, trọng tài Việt Nam.

Điều 8. Quản lý hoạt động thể thao chuyên nghiệp

1. Căn cứ yêu cầu về phát triển môn thể thao chuyên nghiệp, hội thể thao quốc gia xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển thể thao chuyên nghiệp; quy chế tổ chức hoạt động chuyên nghiệp của môn thể thao phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của tổ chức thể thao quốc tế mà hội thể thao quốc gia là thành viên, gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam thẩm định. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Thể dục thể thao Việt Nam thẩm định, báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt; trường hợp không đồng ý phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Xây dựng và quản lý hệ thống thi đấu chuyên nghiệp:

a) Hội thể thao quốc gia xây dựng và quản lý hệ thống thi đấu thể thao chuyên nghiệp phù hợp với quy định của tổ chức thể thao quốc tế tương ứng mà

hội là tổ chức thành viên và theo quy định của pháp luật; thông báo hệ thống thi đấu thể thao chuyên nghiệp tới Cục Thể dục thể thao Việt Nam và hội viên của hội sau khi ban hành;

b) Hội thể thao quốc gia thẩm định về chuyên môn và đề xuất với Cục Thể dục thể thao Việt Nam ban hành quyết định cho phép tổ chức hoạt động thi đấu thể thao chuyên nghiệp tại Việt Nam.

3. Hội thể thao quốc gia tổ chức đào tạo huấn luyện viên, trọng tài thể thao chuyên nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với quy định của liên đoàn thể thao quốc tế; cử huấn luyện viên, trọng tài chuyên nghiệp đi đào tạo ở nước ngoài hoặc phối hợp với các liên đoàn thể thao quốc tế mà hội là thành viên tổ chức đào tạo huấn luyện viên, trọng tài chuyên nghiệp tại Việt Nam.

4. Hội thể thao quốc gia ban hành quy trình kiểm tra, công nhận, không công nhận tư cách huấn luyện viên, vận động viên chuyên nghiệp và thống nhất quản lý huấn luyện viên, vận động viên chuyên nghiệp của môn thể thao do hội thể thao quốc gia quản lý.

Điều 9. Công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao

1. Hội thể thao quốc gia tổ chức kiểm tra, công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tập luyện và thi đấu thể thao thành tích cao bảo đảm đúng tiêu chuẩn chuyên môn, phù hợp với quy định của các tổ chức thể thao quốc tế hoặc đạt tiêu chuẩn quốc tế.

2. Kết quả công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao thành tích cao đạt tiêu chuẩn chuyên môn phải được công bố công khai trên website của hội thể thao quốc gia và thông báo đến các tổ chức thành viên.

Điều 10. Thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao

1. Trên cơ sở xác định nhiệm vụ phù hợp với nhiệm vụ của Nhà nước và khả năng thực hiện, hội thể thao quốc gia đề xuất việc tham gia thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực thể dục thể thao dưới hình thức đề án (hoặc kế hoạch triển khai), gửi Cục Thể dục thể thao Việt Nam để thẩm định và trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định theo trình tự sau:

a) Chậm nhất trước ngày 01 tháng 6 hàng năm, hội thể thao quốc gia gửi đề án hoặc kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện về Cục Thể dục thể thao Việt Nam để xem xét, thẩm định;

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Trường hợp không chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Chậm nhất ngày 01 tháng 7 hàng năm, hội thể thao quốc gia gửi lại hồ sơ đã được hoàn thiện theo quy định về Cục Thể dục thể thao Việt Nam để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đưa vào kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước.

2. Trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị có liên quan và hội thể thao quốc gia tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý, phối hợp hoạt động hợp tác quốc tế

1. Trách nhiệm của Cục Thể dục thể thao Việt Nam:

a) Thông báo cho hội thể thao quốc gia các điều ước quốc tế, các thỏa thuận quốc tế về thể dục thể thao đã được Nhà nước ký kết với các quốc gia và các tổ chức quốc tế;

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội thể thao quốc gia tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về thể dục thể thao;

c) Có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền quyết định việc hội thể thao quốc gia gia nhập tổ chức thể thao quốc tế;

d) Quyết định cử người thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Thể dục thể thao Việt Nam là thành viên của hội thể thao quốc gia tham gia ứng cử ở các tổ chức thể thao quốc tế theo đề nghị của hội thể thao quốc gia.

2. Trách nhiệm của hội thể thao quốc gia:

a) Thông báo cho Cục Thể dục thể thao Việt Nam: Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm của hội thể thao quốc gia; nội dung các thỏa thuận hợp tác về chuyên môn thể thao của hội với các tổ chức thể thao quốc tế; kế hoạch tổ chức các đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới; dự kiến kế hoạch tham dự các giải thể thao quốc tế của các đội tuyển thể thao quốc gia, kế hoạch đăng cai các giải thể thao quốc tế, các hội nghị, lớp tập huấn thể thao quốc tế tại Việt Nam; việc gia nhập làm thành viên các tổ chức thể thao quốc tế tương ứng và người của hội thể thao quốc gia được trúng cử vào ban lãnh đạo hoặc ban chuyên môn của các tổ chức thể thao quốc tế và các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

b) Thực hiện các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với các vấn đề quan trọng trong hợp tác quốc tế của hội thể thao quốc gia với các tổ chức thể thao quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chậm nhất sau 15 (mười lăm) ngày làm việc khi kết thúc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm d khoản 4 Điều 5; điểm b khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 9 Thông tư này, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo về Cục Thể dục thể thao Việt Nam để theo dõi.

2. Chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, hội thể thao quốc gia có trách nhiệm báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của hội về Cục Thể dục thể thao Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Kiểm tra hoạt động của hội thể thao quốc gia

1. Định kỳ hàng năm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động của các hội thể thao quốc gia; việc kiểm tra đối với một hội thể thao quốc gia không quá một lần trong 02 năm, trừ trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm thông báo kế hoạch kiểm tra (gồm nội dung, thời gian và thành phần đoàn kiểm tra) đến hội thể thao quốc gia chậm nhất 02 (hai) tháng trước khi tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp kiểm tra đột xuất.

3. Hội thể thao quốc gia có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Điều 14. Khen thưởng

1. Căn cứ kết quả, thành tích hàng năm, hội thể thao quốc gia thực hiện việc khen thưởng theo quy định của Điều lệ hội và quy định của pháp luật; đồng thời có trách nhiệm xét chọn, đề nghị Cục Thể dục thể thao Việt Nam khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân thuộc hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động thể thao.

2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn hội thể thao quốc gia về trình tự, thủ tục đề nghị khen thưởng; tiếp nhận, xem xét và tổng hợp hồ sơ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội thể thao quốc gia, tổ chức, cá nhân có thành tích trong các hoạt động gắn với lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm giải quyết hoặc tham mưu Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch liên quan đến hội thể thao quốc gia theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Việc xử lý vi phạm của hội thể thao quốc gia, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức, hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ hội.

3. Trường hợp hội thể thao quốc gia vi phạm một hoặc nhiều nghĩa vụ quy định tại Thông tư này, tùy tính chất, mức độ vi phạm, Cục Thể dục thể thao Việt Nam xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Cục Thể dục thể thao Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của hội thể thao quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Cục Thể dục thể thao Việt Nam, hội thể thao quốc gia, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ VHTTDL;
- Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng, Thủ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Các hội thể thao quốc gia;
- Lưu: VT, CTDTTVN (10), VH (200).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng